TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 -2024
V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị H, sinh năm 1995.

Địa chỉ thường trú: Ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ Nguyễn Thị Thanh L, tổ A, khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn**: Anh Trần Đình T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ E, khu D, ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày : Chị và anh Trần Đình T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, do cả hai cùng tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh T không tôn trọng chị, có lời lẽ xúc phạm

chị và gia đình chị, đập phá đồ đạc, anh T đuổi chị ra khỏi nhà từ tháng 10/2023 chị phải thuê nhà trọ sống và vợ chồng ly thân cho đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Lê Phương N, sinh ngày 31/8/2022. Hiện cháu đang sống với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Chị đang công tác tại Bệnh viện Đ, thu nhập hàng tháng hơn 9.000.000 đồng.

Tài sản chung: Có 16 chỉ vàng 9999 anh T đang giữ, chị yêu cầu anh T chia ½ giá trị số vàng trên là 60.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Đình T trình bày:

Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2022, do cả hai cùng tự nguyện tự nguyện là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H và gia đình chị có những lời lẽ thiếu tôn trong anh và hành động thiếu chuẩn mực. Từ tháng 10/2023, chị H thuê nhà trọ sống, anh và chị H không bàn bạc đoàn tụ được. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Lê Phương N, sinh ngày 31/8/2022, hiện đang sống với chị H, nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng, nếu Tòa giao con cho chị H nuôi con, anh không đồng ý cấp dưỡng. Hiện nay làm giáo viên, thu thập hàng tháng 60 triệu đồng đến 70 triệu đồng.

Tài sản chung: Có 16 chỉ vàng 9999 hiện anh đang giữ, anh đồng ý chia cho chị H ½ giá trị số vàng này là 60.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Trần Lê Phương N, sinh ngày 31/8/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đề nghị ghi nhận thỏa thuận anh T có trách nhiệm thanh toán ½ giá số tài sản chung cho chị H là 60.000.000 đồng.

Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Đình T và yêu cầu nuôi con. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con".

- Thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Đình T là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Đình T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 93/2022 ngày 19/4/2022 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H xin ly hôn anh T vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh T không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ, con.

Xét thấy, căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ tháng 10/2023, chị H và anh T mỗi người sống một nơi, anh chị đã tự sống ly thân không bàn bạc đoàn tụ được. Tại phiên tòa chị H kiên quyết xin được ly hôn không đồng ý đoàn tụ với anh T, anh T đề nghị được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp đoàn tụ cụ thể nào thuyết phục được chị H quay về sống chung, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Đình T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung Trần Lê Phương N, sinh ngày 31/8/2022, hiện đang sống với chị H. Chị H và anh T đều tranh chấp nuôi con.

Xét thấy, từ tháng 10/2023 chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến nay. Hiện cháu N con nhỏ dưới 36 tháng tuổi căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H nuôi con yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Anh T không đồng ý.

Căn cứ Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T khai thu nhập hàng tháng 60 triệu đến 70 triệu

đồng, vì vậy chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

[4] Tài sản chung: Chị H và anh T đều khai có 16 chỉ vàng 9999 hiện anh T đang giữ. Chị H yêu cầu anh T chia ½ giá trị số vàng trên tương đương giá trị 60.000.000 đồng, anh T đồng ý nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.000.000 đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng : 3.300.000 đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Phương N, sinh ngày 31/8/2022 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Về tài sản chung : Ghi nhận thỏa thuận anh Trần Đình T có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tài sản chung cho chị H số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thanh toán số tiền cấp dưỡng và số tiền chia tài sản nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.525.000 đồng theo biên lai số 0015329 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Hoàn trả cho chị H 1.225.000 đồng số tiền còn lại.

Anh Trần Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.000.000 đồng án phía chi tài sản chung, tổng cộng 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm ngàn đồng).

5. Chị Lê Thị H và anh Trần Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên